

Số: 913 /BC-BVSTBPN

Bến Tre, ngày 04 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO

Sơ kết tình hình hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ 6 tháng đầu năm 2013

Thực hiện Quy chế hoạt động, Ban Vì sự tiến bộ Phụ nữ (VSTBPN) ngành GD&ĐT báo cáo sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2013 như sau:

I. Khái quát chung tình hình

1. Thuận lợi:

- Nhận thức và sự quan tâm của xã hội, các ngành các cấp đối với phụ nữ ngày càng đi vào chiều sâu. Nhiều chương trình, kế hoạch hành động của ngành giáo dục, các đơn vị trực thuộc tập trung vào việc nâng cao sự tiến bộ phụ nữ, thực hiện quyền bình đẳng về giới.

- Ngành giáo dục xây dựng các chương trình, kế hoạch hoạt động và chỉ đạo cho tất cả các Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc thành lập, kiện toàn Ban VSTBPN và tổ chức hoạt động theo chương trình hành động của ngành và được cụ thể hóa ở từng đơn vị.

- Ngành Giáo dục và Đào tạo Bến Tre có đội ngũ nữ cán bộ, công chức, viên chức đông 10.652/16.235 (chiếm tỉ lệ 65,61% lực lượng của ngành). Toàn ngành có 9 phòng GD&ĐT, 42 đơn vị trực thuộc (bao gồm các trường THPT, các trung tâm GDTX, trường chuyên biệt).

2- Khó khăn:

- Trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ nữ của ngành mặc dù được nâng lên nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu của công tác giáo dục trong tình hình mới.

- Chị em phụ nữ còn chịu nhiều áp lực từ công việc gia đình nên ít tiếp cận thông tin mới. Một số chưa quan tâm sâu đến việc vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy và công tác.

II. Kết quả hoạt động Ban vì sự tiến bộ phụ nữ

1. Công tác tổ chức:

- Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành chỉ đạo cho các phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc củng cố tổ chức và hoạt động của ban, bám sát vào 7 mục tiêu hành động của ngành và được cụ thể ở từng đơn vị.

- Ban vì sự tiến bộ phụ nữ của ngành luôn quan tâm nhắc nhở, giám sát tình hình hoạt động của ban ở các cơ sở thông qua các đợt kiểm tra toàn diện, giám sát ở các phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc. Từ đầu năm đến nay Ban VSTBPN ngành đã thực hiện giám sát hoạt động Ban VSTBPN 1 phòng GD&ĐT, 1 trung tâm GDTX, 2 trường THPT. Qua việc giám sát đã kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền về bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ:

- Triển khai quán triệt Luật Bình đẳng giới và Luật Phòng chống bạo lực gia đình.

- Thường xuyên thông tin, báo cáo qua các phong trào thi đua để tuyên truyền về vai trò, vị trí của phụ nữ, về Luật bình đẳng giới, về sự tiến bộ phụ nữ, biểu dương các cán bộ quản lý, giáo viên nữ có thành tích xuất sắc, điển hình.

3. Kết quả thực hiện các mục tiêu:

***Mục tiêu 1: Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo, nhằm từng bước giảm dần khoảng cách giới trong lĩnh vực chính trị.**

Tỉ lệ nữ cán bộ giữ vai trò quản lý trong các cơ sở giáo dục khá lớn. Ngành coi trọng việc phát hiện tài năng trẻ, nhất là nữ đưa vào quy hoạch để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành, nâng cao vai trò của phụ nữ trong công tác quản lý giáo dục.

- Tổng số đảng viên nữ: 5221/8486 đảng viên (chiếm tỉ lệ: 61,52% - cùng kỳ năm trước 59,61%);

- Nữ tham gia vào cấp ủy Đảng nhiệm kì 2011-2015: 307/660 (46,51%);

- Có 80% cơ sở giáo dục có nữ tham gia lãnh đạo, quản lý; tỉ lệ nữ tham gia vào công tác quản lý giáo dục chiếm 54,68% toàn ngành (cùng kỳ năm trước 54,14%).

*** Mục tiêu 2: Giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động.**

Ngành đã thực hiện các văn bản chỉ đạo có hiệu quả nhằm thực hiện quyền bình đẳng của phụ nữ, nhất là việc thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công viên chức nữ; như chế độ hậu sản, phụ nữ có con dưới 12 tháng tuổi, nghỉ hưu...; không có xảy ra hiện tượng bất bình đẳng giới trong ngành.

Ban vì sự tiến bộ phụ nữ ở các cơ sở giáo dục tham mưu với Thủ trưởng đơn vị tạo điều kiện để chị em vay vốn ngân hàng để phát triển kinh tế gia đình, mua sắm phương tiện phục vụ đi lại giảng dạy. Phong trào “tương thân tương ái” trong phụ nữ của ngành trong năm qua đã có kết quả thiết thực. Nhiều chị em có hoàn cảnh khó khăn được động viên, giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ.

Nhiều trường học, Ban vì sự tiến bộ phụ nữ tham mưu với Lãnh đạo trường phối hợp với Ban đại diện Cha mẹ học sinh tạo điều kiện thuận lợi về nơi ở, sinh hoạt, sắp xếp giờ dạy hợp lý cho nữ giáo viên có con nhỏ, trợ cấp khó khăn để các giáo viên nữ an tâm công tác.

Nhìn chung đội ngũ nữ công chức, viên chức trong ngành có việc làm ổn định, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng lên về vật chất lẫn tinh thần.

*** Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, từng bước bảo đảm sự tham gia bình đẳng giữa nam và nữ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.**

Tiếp tục củng cố và giữ vững chất lượng PC GDTH-CMC, đẩy mạnh công tác PC GDTH đúng độ tuổi và PC GDTHCS, khắc phục dần tình trạng trẻ em gái bỏ học.

Nhiều nhà trường, một số cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương đã lập quỹ khuyến học, quỹ hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo hiếu học... đã giúp nhiều học sinh, sinh viên nữ có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học giỏi, khá hoặc tiếp tục học lên cao hơn.

Thực hiện chính sách ưu tiên trong tuyển sinh đào tạo, tuyển dụng, phân công sinh viên, giáo viên nữ; đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ mọi mặt cho nữ CB, CVC trong ngành; ngành đã khuyến khích, tạo điều kiện và động viên chị em học để nâng chuẩn, học chính trị, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học.

Đội ngũ nữ cán bộ giáo viên ở từng bậc học, cấp học hầu hết đã đạt chuẩn, tỉ lệ đạt trên chuẩn ngày càng được nâng lên; bậc Mầm non: 1659/2365 CBGV nữ (70,14%), bậc Tiểu học: 4634/6041 CBGV nữ (76,70%), cấp THCS: 3953/5236 CBGV nữ (75,49%), cấp THPT: 249/2460 CBGV nữ (10,12%).

***Mục tiêu 4: Bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.**

Ngành luôn thực hiện bảo đảm bình đẳng giới trong tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, thường xuyên tuyên truyền phổ biến các thông tin nhằm nâng cao nhận thức của nữ cán bộ, giáo viên trong việc tự quan tâm chăm sóc sức khỏe, nhất là ý thức phòng bệnh, đi khám bệnh định kì.

Hiện nay 100% CB, GV nữ trong ngành có bảo hiểm y tế, tỉ lệ chị em được tiếp cận với các dịch vụ ngày càng tăng.

Ngành GD&ĐT đã phối hợp chặt chẽ với ngành y tế, Hội Liên Hiệp phụ nữ các cấp tích cực triển khai chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình phòng chống suy dinh dưỡng, chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, trong đó dành sự ưu tiên đặc biệt đối với phụ nữ và trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo suy dinh dưỡng.

Các cơ sở giáo dục đã phối hợp với ngành y tế tổ chức khám sức khỏe cho học sinh vào đầu năm học và tiến hành lập hồ sơ theo dõi và kịp thời thông báo các trường hợp bệnh lý của học sinh cho phụ huynh biết.

Tổ chức tốt việc giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên và giáo dục giới tính cho học sinh cấp trung học được tích hợp vào nội dung các môn học có liên quan trong chương trình chính khóa và các buổi ngoại khóa; tổ chức các phong trào TDTT trong nhà trường bằng nhiều hình thức khác nhau.

Bố trí thời gian lao động nữ thích hợp để chị em có thời gian nghỉ ngơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe theo định kì.

Tuyên truyền, vận động, giáo dục thuyết phục nữ trong ngành thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD, thời gian qua trong ngành không có trường hợp sinh con thứ 3. Điều đó, đã góp phần giữ gìn sức khỏe, hạnh phúc và nâng dần chất lượng cuộc sống của mỗi người, mỗi nhà và cộng đồng xã hội.

Thực hiện chủ trương không sàng lọc giới tính trước khi sinh, góp phần đảm bảo tỉ số giới tính trẻ khi sinh không vượt 113 trẻ sơ sinh trai/ 100 trẻ sơ sinh gái. Tổ chức các Hội thảo cho giáo viên chủ nhiệm, tuyên truyền pháp luật về bình đẳng giới, bảo vệ các quyền lợi cho phụ nữ, phòng chống bạo lực gia đình...

Tăng cường nâng cao tỉ lệ nhân viên y tế cho ngành: đạt 358 người/532 đơn vị (tỉ lệ 67,29%; cùng kỳ năm trước 28,43%).

Nhìn chung điều kiện sống và làm việc của nữ cán bộ giáo viên cũng như sức khỏe phụ nữ, trẻ em trong ngành được quan tâm, từng bước được cải thiện.

***Mục tiêu 5: Bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và thể thao.**

- Ngành chủ trương thực hiện tốt việc bình đẳng giới trong việc thụ hưởng các giá trị trong lĩnh vực văn hóa, thông tin và thể thao

- Ngành đã tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức về bình đẳng giới trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho phụ nữ nhân dịp kỉ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam; tích cực hưởng ứng gia đình văn hóa, gia đình thể thao.

***Mục tiêu 6: Bình đẳng trong lĩnh vực gia đình**

Trong những năm qua ngành có sự chuyển biến trong việc rút ngắn khoảng cách về thời gian tham gia công việc gia đình giữa phụ nữ và nam giới. Nam giới có xu hướng dành thời gian tham gia công việc gia đình ngày càng nhiều.

Trong thời gian qua tình trạng bạo lực gia đình giảm, không có những vụ bạo lực nổi cộm xảy ra trong đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên trong ngành.

*** Mục tiêu 7: Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bình đẳng giới**

Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ các cấp, nâng cao tỉ lệ nữ tham gia trong Ban ngày càng cao.

Các thành viên trong Ban nỗ lực tham gia đầy đủ các chuyên đề chính trị, tiếp thu đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, tích cực trao đổi để nâng cao kĩ năng nghiệp vụ.

4. Đánh giá chung

4.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân:

Sáu tháng đầu Năm 2013, ngành giáo dục và đào tạo đã đạt được một số chỉ tiêu của 7 mục tiêu chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ mà ngành đề ra trong năm 2013.

Công tác thông tin tuyên truyền về giới và bình đẳng giới, về mục tiêu của kế hoạch hành động... được thực hiện tốt. Do đặc thù của ngành có tỉ lệ cán bộ giáo viên nữ chiếm tỉ lệ khá cao nên ngành luôn chú trọng đến việc thực hiện các quyền bình đẳng của phụ nữ trong lĩnh vực giáo dục.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch quốc gia vì sự tiến bộ phụ nữ, trong đó ngành chú ý đến công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho cán bộ quản lý, giáo viên. Thực hiện mục tiêu xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cho phụ nữ và trẻ em gái, tạo nguồn và tạo mọi điều kiện để cán bộ phụ nữ phát huy vai trò trong chuyên môn nghiệp vụ.

Nguyên nhân:

Có văn bản pháp quy của Bộ Chính trị, Chính phủ và chương trình hành động cụ thể, có sự lãnh đạo và chỉ đạo của tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể thống nhất cấp ngành từ Trung ương đến cơ sở.

Đội ngũ cán bộ quản lý ngành giáo dục nhận thức sâu về vai trò và vị trí của phụ nữ trong xã hội nên tập trung và tạo điều kiện để phụ nữ phát triển về mọi mặt.

Các Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp được thành lập và đi vào hoạt động cơ bản ổn định và từng bước có hiệu quả. Ban VSTBPN ngành xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch giám sát ở cơ sở. Qua đó, đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc giúp các đơn vị cơ sở hoạt động ngày càng tốt hơn.

Sự ý thức và nỗ lực phấn đấu vươn lên của chị em phụ nữ trên mọi lĩnh vực trong học tập cũng như trong lao động và công tác.

4.2. Những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân:

Hoạt động của Ban vì sự tiến bộ phụ nữ thời gian qua vẫn còn tồn tại một số khó khăn nhất định, đã làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch như: công tác củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động Ban VSTBPN một số đơn vị trực thuộc; chưa tạo sự chuyển biến mạnh trong hoạt động VSTBPN ở cơ sở. Công tác tuyên truyền, vận động về giới chưa thật sự đồng bộ trong đội ngũ nhà giáo.

Chưa thực hiện thường xuyên công tác giám sát các Ban ở các phòng GD&ĐT và các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới cũng như hoạt động của Ban VSTBPN.

Nguyên nhân: Do các Ban ở cơ sở chưa có đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành các luật bình đẳng giới, phòng chống bạo lực gia đình, nên hạn chế nhiều trong công tác tuyên truyền giáo dục về sự tiến bộ phụ nữ, dẫn đến hạn chế kiến thức về giới, kỹ năng lồng ghép giới của cán bộ làm công tác; đồng thời các thành viên của Ban đều kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, thiếu đầu tư nghiên cứu để có chương trình hoạt động chuyên sâu.

Các cán bộ phụ trách Ban hoạt động chế độ kiêm nhiệm nên bận nhiều công tác chuyên môn, ít có điều kiện đầu tư tập trung sâu.

IV. Phương hướng công tác Vì sự tiến bộ phụ nữ 6 tháng cuối năm 2013

Trong thời gian tới, bên cạnh sự phát triển kinh tế-xã hội theo chiều hướng tích cực; theo dự báo vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách do ảnh hưởng môi trường và kinh tế thế giới. Để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Bình đẳng giới và chương trình hành động của chính phủ về thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn tới ở mức cao hơn. Nhiệm vụ công tác bình đẳng giới những năm tiếp theo của Ban VSTBPN ngành giáo dục và Đào tạo tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tạo bước chuyển mạnh về nhận thức, phấn đấu thu hẹp khoảng cách giới, nâng vị thế của phụ nữ trong một số địa bàn có sự bất bình đẳng hoặc có dấu hiệu bất bình đẳng, tạo đà cho việc thực hiện thành công các mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, đảm bảo nguồn lực để ngành thực hiện tốt các yêu cầu về bình đẳng giới.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể:

- Huy động tối đa trẻ trong độ tuổi đi học mầm non đạt 100%, tiểu học đạt 100%; củng cố, giữ vững thành quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS. Tạo điều kiện để huy động trẻ vào nhà trẻ, huy động hết trẻ em gái từ 11 đến 14 tuổi tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6, nâng cao tỉ lệ trẻ em gái từ 15 đến 18 tuổi được phổ cập THCS; quan tâm tạo điều kiện học tập của học sinh nữ các trường THPT và các trường chuyên nghiệp, giảm tỉ lệ trẻ em gái, nữ sinh bỏ học.

- Phối hợp với các sở y tế địa phương tổ chức chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh, quan tâm đối tượng học sinh nữ; tăng cường kiểm tra các trường học có tổ chức bán trú về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao chất lượng chăm sóc và nuôi dạy trẻ ở các trường mầm non, phổ thông trong tỉnh.

- Nâng cao tỉ lệ giáo viên nữ đạt chuẩn và trên chuẩn ở các bậc học, cấp học, nâng cao tỉ lệ nữ tham gia vào công tác quản lý giáo dục, đặc biệt nâng cao tỉ lệ nữ tham gia lãnh đạo quản lý cấp trường, phó phòng, BGD ở cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo.

↖ - Nâng cao tỉ lệ giáo viên nữ đảng viên trong các cấp học, bậc học phần đầu đạt trên 61%.

- Không có nữ giáo viên, cán bộ quản lý sinh con thứ 3.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp cần thực hiện:

- Tham mưu với Đảng ủy Ban GD Sở và Ban VSTBPN tỉnh để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kế hoạch; phối hợp với công đoàn giáo dục tỉnh, các cơ quan chức năng để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động các cơ sở giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đơn vị, cá nhân trong các hoạt động vì sự tiến bộ phụ nữ.

- Củng cố Ban VSTBPN ở cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc, xây dựng quy chế hoạt động và chương trình hành động cụ thể và trên cơ sở chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, đơn vị.

- Tạo mọi điều kiện để phụ nữ nâng cao vai trò và vị trí của mình trong học tập, công tác và các hoạt động khác. Chú ý vào việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nữ trong công tác.

- Thực hiện đầy đủ chính sách cho giáo viên và cán bộ quản lý, đặc biệt đối với nữ. Khuyến khích các đơn vị tổ chức cho cán bộ, giáo viên nữ tham quan du lịch, học tập kinh nghiệm, được chăm sóc sức khỏe định kỳ.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua “Dạy tốt, Học tốt” trong toàn ngành, lồng ghép phong trào phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc với các cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, “Dân chủ-Kỷ cương-Tình thương-Trách nhiệm”, phong trào “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”... nhằm phát huy khả năng, trí tuệ, tài năng của chị em trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, bậc học; giảm tỉ lệ lưu ban bỏ học, quan tâm đặc biệt đối với các bé gái, nữ sinh trong công tác giáo dục.

- Đa dạng các hình thức, nội dung hoạt động của Ban VSTBPN các cấp, tăng cường nguồn lực, kinh phí cho các hoạt động.

- Thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra hoạt động của Ban VSTBPN ở các cơ sở giáo dục, kịp thời động viên khen thưởng và đánh giá, rút kinh nghiệm./.

Nơi nhận:

- Ban VSTBPN tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở GD&ĐT (theo dõi);
- Thành viên Ban VSTBPN;
- Lưu: VT, TCCB.



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ GD&ĐT
Nguyễn Thị Bé Mười

THÔNG KÊ SỐ LIỆU LIÊN QUAN HỌC SINH (Thời điểm tính: HKI năm học 2012 - 2013)

(Kèm báo cáo số: 417 /BC-SGD&ĐT, ngày 04 tháng 6 năm 2013)

Số lượng học sinh		Số lượng học sinh bỏ học		Số lượng học sinh lưu ban		Số lượng học sinh khá giỏi		Ghi chú
Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	
18718	19920	0	0	0	0	3777	4191	Mầm non
47381	49981	3	9	0	0	30762	28657	Tiểu học
33481	33910	103	147	0	0	24209	18979	THCS
21972	17660	465	606	0	0	8992	5179	THPT
121552	121471	571	762	0	0	67740	57006	Tổng cộng

Người lập biểu



Huỳnh Quốc Trung

Mẫu 1:

THÔNG KÊ SỐ LIỆU LIÊN QUAN CBGVNV (Thời điểm tính: Tháng 05/2013)

Tổng số CBGVNV biên chế (tính cả thử việc)	Tổng số nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68		Số lượng đăng viên		Trình độ chuyên môn trên chuẩn		Trình độ chính trị: Cử nhân, cao cấp, trung cấp		Cán bộ quản lý		Được bầu vào cấp ủy Đảng		Được bầu vào HĐND các cấp		Ghi chú
	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	
2308	57	162	1124	22	1646	13	187	0	294	0	87	0	24	0	Mầm non
3815	2226	145	1821	1256	3057	1577	153	212	183	234	81	119	21	31	Tiểu học
3119	2117	125	1670	1347	2313	1640	129	199	115	167	73	87	21	31	THCS
1369	1091	48	580	567	147	102	45	114	32	94	63	123	2	0	THPT
26	55	2	19	47	12	40	9	33	6	23	3	19	2	4	Phòng GD&ĐT
15	37	2	7	26	3	7	3	20	1	4	1	9	0	0	Sở GD&ĐT
10652	5583	625	5221	3265	7178	3379	526	578	631	522	308	357	70	66	

Người lập biểu



Huỳnh Quốc Trung